

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ QUY HOẠCH-KIẾN TRÚC

Số: /SQHKT-QHC

V/v thu thập thông tin, dữ liệu,
đánh giá, phân loại các cơ sở giáo dục
đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp
và các cơ sở y tế thuộc khu vực lõi đô
thị trung tâm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

Kính gửi:

- Sở Y tế; Sở Tài chính;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Đại học Quốc gia TP.HCM.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố về xây dựng Đề án “Sắp xếp, di dời, mở rộng các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở y tế ra khỏi khu vực lõi đô thị trung tâm theo lộ trình phù hợp, bảo đảm đồng bộ quy hoạch tổng thể thành phố Hồ Chí Minh”; Sở Quy hoạch – Kiến trúc đã có Công văn số 6303/SQHKT-QHC ngày 04/8/2026, gửi các sở, ban, ngành có ý kiến góp ý đối với dự thảo Đề án.

Song song đó, ngày 06/8/2026, Sở Quy hoạch – Kiến trúc đã tổ chức cuộc họp lấy ý kiến các các sở, ban, ngành và các chuyên gia về dự thảo Đề án nêu trên (theo Thư mời số 178/GM-SQHKT ngày 04/8/2026). Theo ý kiến góp ý của các đơn vị dự họp, Sở Quy hoạch - Kiến trúc đã rà soát, chỉnh sửa và hoàn thiện các cơ sở đánh giá và Biểu mẫu phân loại các cơ sở giáo dục, y tế theo dự thảo Đề án nêu trên.

Do tính chất cấp bách của nhiệm vụ, Sở Quy hoạch - Kiến trúc đề nghị Sở Y tế, Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo và Đại học Quốc gia TP.HCM hỗ trợ cung cấp đường link <https://byvn.net/eZ6p> đến các cơ quan, đơn vị trực thuộc và các cơ quan chuyên ngành trên địa bàn Thành phố thuộc khu vực lõi đô thị trung tâm để nghiên cứu, rà soát theo Bảng hướng dẫn các cơ sở và đánh giá theo Biểu mẫu phân loại các cơ sở giáo dục, y tế và đính kèm các tài liệu liên quan về Sở Quy hoạch - Kiến trúc **trước ngày 15 tháng 8 năm 2026** để tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố theo chỉ đạo.

Đồng thời, đề nghị Sở Y tế, Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo và Đại học Quốc gia TP.HCM khẩn trương có ý kiến bằng văn bản đối với các nội dung dự thảo Đề án theo Công văn số 6303/SQHKT-QHC ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

Mọi thông tin chi tiết đề nghị các đơn vị liên hệ Ông. Nguyễn Trung Nguyên – Chuyên viên Phòng Quy hoạch chung; số điện thoại 0905 305 397 và địa chỉ email: ntnguyen.sqhkt@tphcm.gov.vn.

Sở Quy hoạch – Kiến trúc chuyển đến Sở Y tế, Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo và Đại học Quốc gia TP.HCM nội dung nêu trên để khẩn trương phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Thành phố (để báo cáo);
- GD. Trương Trung Kiên (để báo cáo);
- Lưu: VT, QHC.C.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Dương Thảo Hiền

PHỤ LỤC 4

MẪU PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ CƠ SỞ Y TẾ

(Kèm theo Bộ tiêu chí đánh giá cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và cơ sở y tế)

I. Hướng dẫn chung

1. Mục đích, đối tượng áp dụng

- Phiếu dùng để: (i) thu thập dữ liệu còn thiếu phục vụ hoàn thiện Đề án; (ii) gửi trực tiếp cho từng cơ sở giáo dục, y tế tự đánh giá theo Bộ tiêu chí; (iii) làm cơ sở để Tổ công tác liên ngành tổng hợp, thẩm định và xem xét lại kết quả tự đánh giá của từng cơ sở.

- Bộ tiêu chí gửi đến chính cơ sở giáo dục, y tế để tự chấm điểm theo từng chỉ tiêu tại Mục III (bản gốc) và cung cấp minh chứng kèm theo. Tổ công tác kỹ thuật liên ngành (Sở Quy hoạch – Kiến trúc, Sở Xây dựng, sở chuyên ngành) thẩm định kết quả tự đánh giá, đối chiếu minh chứng và tổng hợp trước khi áp dụng Ma trận quyết định.

2. Nguyên tắc chung

- Tiêu chí chia 2 nhóm: Nhóm I — Tổng quan và yêu cầu kỹ thuật (40 điểm); Nhóm II — Quy hoạch, kiến trúc và không gian đô thị (60 điểm).

- Mức độ cần thiết phục vụ tại khu vực lõi theo yêu cầu ngành (chỉ tiêu 1.4) KHÔNG phải điều kiện loại trừ tuyệt đối, mà là một chỉ tiêu trong Nhóm I ảnh hưởng trực tiếp đến loại hình xử lý: cơ sở cần thiết phục vụ khu vực dân cư tại chỗ (ví dụ bệnh viện đa khoa khu vực/quận cũ, trường trung học nghề gần địa bàn) được ưu tiên phương án bố trí lại trong cùng khu vực đến vị trí đạt chuẩn hơn, thay vì di dời hẳn ra quỹ đất tập trung ở xa; đối với y tế, có thể xem xét giữ lại tối thiểu 1 đơn vị/trung tâm cấp cứu, hồi sức nhanh tại chỗ.

- Chỉ tiêu "phù hợp quy hoạch đô thị" (2.1) là điều kiện nền — hầu hết cơ sở đều đạt; trường hợp hiếm "Chưa phù hợp" là điều kiện loại trừ cuối, áp dụng ngay Loại E.

- Giá trị bản sắc — thương hiệu — vai trò (chỉ tiêu cuối mục 2.2) mang tính QUYẾT ĐỊNH khi cơ sở không đạt chuẩn CSVN — quyết định giữa giữ lại và di dời. Chỉ áp dụng khi gắn với lịch sử hình thành, phát triển của CHÍNH cơ sở.

- Mức độ sẵn sàng quỹ đất/cơ sở thay thế (1.4, dòng cuối) dùng để xác định phương án xử lý cụ thể VÀ mức ưu tiên lộ trình thực hiện.

- Điểm số (thang 100) chỉ dùng xếp hạng ưu tiên nội bộ từng loại kết luận, KHÔNG dùng để đảo ngược kết luận của các chỉ tiêu quyết định.

3. Cách sử dụng phiếu

Cơ sở có thể lựa chọn điền trực tiếp vào phiếu giấy dưới đây, hoặc tự đánh giá trực tuyến theo đường link nêu ngay tại đầu Phần A (đối với cơ sở giáo dục) hoặc đầu Phần B (đối với cơ sở y tế).

- Cơ sở điền thông tin tại Mục I và tự chấm điểm từng chỉ tiêu tại Mục II, III: đọc cột "Hướng dẫn đánh giá / Minh chứng cần thu thập" để biết cần thu thập số liệu, tài liệu

gì; ghi kết quả tự đánh giá và TỰ GHI số điểm tương ứng (đúng điểm tối đa nêu tại cột "Nội dung đánh giá") — phiếu KHÔNG tự tính điểm.

- Với chỉ tiêu có ghi chú "CHỌN 1/CHỌN mức cao nhất — không cộng dồn": chỉ ghi điểm cho đúng 1 dòng trong nhóm đó.

- Nếu chưa có đủ thông tin/minh chứng: ghi rõ "Chưa xác định" — KHÔNG tự suy diễn. Đính kèm minh chứng (hồ sơ đất đai, hồ sơ xây dựng, số liệu, hình ảnh, văn bản xác nhận của đơn vị chủ quản...) theo từng mã chỉ tiêu.

- Cơ sở tự cộng Tổng điểm Nhóm I, Nhóm II, Tổng cộng tại Mục IV.

- Mục V, VI, VIII do Tổ công tác liên ngành thực hiện sau khi thẩm định — cơ sở tự đánh giá KHÔNG điền các mục này (riêng Mục VII là căn cứ pháp lý, kỹ thuật tham chiếu, không cần điền).

4. Ngưỡng "Đạt/Không đạt", "Có/Không" dùng trong ma trận

- Tiêu chuẩn cơ sở vật chất (mục 1.2) = "Đạt" khi đạt từ 80% điểm tối đa của mục 1.2 trở lên; dưới ngưỡng này là "Không đạt".

- Giá trị bản sắc — thương hiệu — vai trò/chức năng đặc thù (chỉ tiêu cuối mục 2.2) = "Có" khi đạt từ 50% điểm tối đa trở lên; dưới ngưỡng này là "Không có".

5. Cách xử lý khi thiếu thông tin hoặc minh chứng chưa đầy đủ

- Chỉ tiêu "bản sắc — thương hiệu — vai trò": nếu minh chứng chưa đầy đủ hoặc chưa có kết luận chắc chắn, Tổ thẩm định yêu cầu bổ sung; trong thời gian chờ, tạm xếp thận trọng theo hướng "Có" (Loại B — giữ lại, cải tạo tại chỗ), không vội kết luận Loại E.

- Chỉ tiêu xếp hạng di tích chính thức (2 dòng đầu mục 2.2) tra cứu trực tiếp theo danh mục đã ban hành; nếu công trình được xếp hạng nhưng không gắn với lịch sử hình thành, phát triển của chính cơ sở, chỉ ghi nhận điểm số, không dùng để xác định "bản sắc — thương hiệu" trong ma trận — xử lý song song với ngành di sản để bảo tồn công trình, tách biệt khỏi quyết định di dời chức năng.

- Không nhận định, suy diễn khi thiếu dữ liệu — để trống và ghi rõ "chưa xác định", Tổ thẩm định yêu cầu cơ sở bổ sung ở vòng rà soát tiếp theo.

6. Sản phẩm đầu ra

- Danh sách cơ sở theo 5 loại kết luận (A/B/C/D/E) kèm điểm số xếp hạng ưu tiên trong từng loại và mức ưu tiên lộ trình (đối với Loại C, D, E).

- Bảng tổng hợp làm cơ sở đề xuất quỹ đất tiếp nhận (đối với nhóm Loại D, E) và phương án cải tạo tại chỗ/chuyển dịch chức năng (đối với nhóm Loại B, C).

MẪU PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

→ Có thể thực hiện **TRỰC TUYẾN** tại: [Đường link Google Form dành cho cơ sở giáo dục — cập nhật khi phát hành chính thức](#)

Nếu thực hiện trực tuyến, cơ sở không cần điền và gửi lại bản phiếu giấy dưới đây.

I. Thông tin cơ sở

Lưu ý: Trường hợp đơn vị chủ quản có nhiều cơ sở/địa điểm đào tạo (hoặc nhiều cơ sở khám chữa bệnh) khác nhau, PHẢI lập một phiếu đánh giá RIÊNG cho từng cơ sở/địa điểm theo đúng vị trí thực tế — không gộp chung nhiều cơ sở vào một phiếu.

Tên cơ sở	
Loại hình	☐ Đại học ☐ Cao đẳng ☐ Trung cấp ☐ Trung tâm GDNN ☐ Công lập ☐ Tư thục
Địa chỉ trụ sở chính	
Địa chỉ cơ sở khác (nếu có)	
Diện tích đất (m²)	
Diện tích sàn xây dựng (m²)	
Số lượng người học	
Đơn vị chủ quản	
Người cung cấp thông tin / Liên hệ	
Ngày lập phiếu	

II. Nhóm I — Tổng quan và yêu cầu về kỹ thuật (40 điểm)

Mã	Nội dung đánh giá / Yêu cầu cụ thể	Hướng dẫn đánh giá / Minh chứng cần thu thập	Kết quả tự đánh giá (đơn vị tự ghi)	Điểm tự chấm (tối đa)
1.1a	Thuộc Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm đã được phê duyệt	Đối chiếu quy hoạch mạng lưới giáo dục đã duyệt. Câu hỏi/minh chứng: Tên cơ sở; văn bản	☐ Có (10đ) ☐ Không (0đ) Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): _____	

Mã	Nội dung đánh giá / Yêu cầu cụ thể	Hướng dẫn đánh giá / Minh chứng cần thu thập	Kết quả tự đánh giá (đơn vị tự ghi)	Điểm tự chấm (tối đa)
		<i>quy hoạch liên quan (nếu có).</i>		
1.1b	Không thuộc trường hợp đang thực hiện sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập	<i>Đối chiếu Kế hoạch/Đề án sắp xếp mạng lưới CSGDNN công lập của Sở GD&ĐT. Câu hỏi/minh chứng: Cơ sở có nằm trong danh mục đang sắp xếp hay không.</i>	☐ Có (5đ) ☐ Không (0đ) Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): _____	
1.2a	Đạt yêu cầu diện tích đất/người học ($\geq 25 \text{ m}^2$; đô thị: cao đẳng $\geq 20.000 \text{ m}^2$, trung cấp $\geq 10.000 \text{ m}^2$, trung tâm GDNN $\geq 1.000 \text{ m}^2$)	<i>Tính diện tích đất chia số người học, đối chiếu ngưỡng theo loại hình. Câu hỏi/minh chứng: Diện tích đất (m^2); số người học.</i>	☐ Đạt (5đ) ☐ Không đạt (0đ) Số _____ liệu: Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): _____	
1.2b	Đạt yêu cầu diện tích sàn/số người học ($\geq 2,8 \text{ m}^2$)	<i>Tính diện tích sàn chia số người học. Câu hỏi/minh chứng: Diện tích sàn (m^2); số người học.</i>	☐ Đạt (5đ) ☐ Không đạt (0đ) Số _____ liệu: Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): _____	
1.2c	Đạt yêu cầu không gian đào tạo, thư viện ($\geq 200 \text{ m}^2$), khu TDTT/hội trường/CLB đa năng, bãi đỗ xe (100 m^2 sàn/xe ô tô; xe	<i>Đánh giá công năng khuôn viên theo từng hạng mục. Câu hỏi/minh chứng: Có/không thu</i>	1) Không gian đào tạo ☐ Đạt ☐ Không đạt Số _____ liệu: Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): _____ 2) Thư viện ($\geq 200 \text{ m}^2$)	

Mã	Nội dung đánh giá / Yêu cầu cụ thể	Hướng dẫn đánh giá / Minh chứng cần thu thập	Kết quả tự đánh giá (đơn vị tự ghi)	Điểm tự chấm (tối đa)
1.3a	Có khả năng hợp khối, nâng tầng công trình để bổ sung thêm phòng học	<i>Căn cứ hồ sơ hiện trạng, quy hoạch, kiểm định công trình. Câu hỏi/minh chứng: Tầng cao hiện hữu; khả năng nâng tầng.</i>	☐ Có (3đ) ☐ Không (0đ) Số _____ liệu: Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): _____	
1.3b	Có phương án mở rộng tại vị trí hiện tại để đảm bảo yêu cầu về diện tích sàn/số người học	<i>Yêu cầu minh chứng cụ thể. Câu hỏi/minh chứng: Phương án mở rộng cụ thể (nếu có).</i>	☐ Có (2đ) ☐ Không (0đ) Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): _____	
1.4a	Mức độ cần thiết phục vụ tại khu vực lõi theo yêu cầu ngành/chuyên ngành đào tạo — CHỌN 1 trong 2: Không cần thiết phục vụ tại chỗ (3đ) / Cần thiết phục vụ khu vực dân cư tại chỗ (1đ) — không cộng dồn	<i>Áp dụng cho ngành đào tạo yêu cầu thực hành gắn cộng đồng dân cư khu vực lõi. Câu hỏi/minh chứng: Ngành/chuyên ngành đào tạo chính; đặc thù thực hành (nếu có).</i>	☐ Không cần thiết phục vụ tại chỗ (3đ) ☐ Cần thiết phục vụ khu vực dân cư tại chỗ (1đ) (Chọn đúng 1 dòng — không cộng dồn) Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): _____	
1.4b	Mức độ sẵn sàng quỹ đất/cơ sở thay thế ngoài khu vực lõi: Đã có cơ sở mới hoạt động (2đ) / Đã bố trí quỹ đất, đang triển khai đầu tư (1đ) / Chưa có (0đ)	<i>Dùng đồng thời để xác định mức ưu tiên lộ trình di dời. Câu hỏi/minh chứng: Hồ sơ đất đai, quyết</i>	☐ Đã có cơ sở/chi nhánh mới hoạt động ngoài khu vực lõi (2đ) ☐ Đã bố trí quỹ đất, đang triển khai đầu tư (1đ) ☐ Chưa có quỹ đất/cơ sở thay thế (0đ)	

Mã	Nội dung đánh giá / Yêu cầu cụ thể	Hướng dẫn đánh giá / Minh chứng cần thu thập	Kết quả tự đánh giá (đơn vị tự ghi)	Điểm tự chấm (tối đa)
		<i>định đầu tư, tiến độ triển khai (nếu có).</i>	Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): _____	
TỔNG ĐIỂM NHÓM I (tối đa 40)				

III. Nhóm II — Quy hoạch, kiến trúc và không gian đô thị (60 điểm)

Lưu ý riêng cho các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông (mục 2.3, 2.4): đơn vị đánh giá theo thông tin, hồ sơ và tình trạng vận hành thực tế đang nắm được, KHÔNG yêu cầu đơn vị tự đo đạc, kiểm định kỹ thuật chuyên ngành theo QCVN. Nếu chưa có đủ hồ sơ kỹ thuật để khẳng định đạt chuẩn, đơn vị vẫn chọn kết quả theo hiểu biết thực tế tốt nhất hiện có (ví dụ: hệ thống đang hoạt động bình thường, chưa từng xảy ra sự cố liên quan) và ghi rõ tại cột “Tài liệu/cơ sở chứng minh” — Tổ công tác liên ngành sẽ phối hợp cơ quan chuyên môn kỹ thuật thẩm định lại theo đúng quy chuẩn trước khi kết luận chính thức.

Mã	Nội dung đánh giá / Yêu cầu cụ thể	Hướng dẫn đánh giá / Minh chứng cần thu thập	Kết quả tự đánh giá (đơn vị tự ghi)	Điểm tự chấm (tối đa)
2.1	Phù hợp quy hoạch đô thị và nông thôn (QHC, QHPK) — tiêu chí điều kiện nền, điều kiện loại trừ cuối trong ma trận	<i>Hầu hết cơ sở hiện hữu đã thể hiện trong đồ án quy hoạch nền thường đạt. Câu hỏi/minh chứng: Xác định vị trí trên bản đồ quy hoạch chung/phân khu.</i>	1) Phù hợp Quy hoạch chung (QHC) ☐ Phù hợp ☐ Chưa phù hợp Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): _____ 2) Phù hợp Quy hoạch phân khu (QHPK) ☐ Phù hợp ☐ Chưa phù hợp Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): _____ → Kết luận 2.1 (Phù hợp khi CẢ 2 mục trên đều “Phù hợp”; Chưa phù hợp nếu có ≥ 1 mục “Chưa phù hợp” — tiêu chí quyết định):	

Mã	Nội dung đánh giá / Yêu cầu cụ thể	Hướng dẫn đánh giá / Minh chứng cần thu thập	Kết quả tự đánh giá (đơn vị tự ghi)	Điểm tự chấm (tối đa)
			☐ Phù hợp (12đ) ☐ Chưa phù hợp (0đ)	
2.2a	Tình trạng xếp hạng di tích — CHON mức cao nhất: Toàn bộ cơ sở đã xếp hạng (6đ) / Có công trình trong khuôn viên đã xếp hạng, một phần (2đ) / Không có (0đ) — không cộng dồn	<i>Tra cứu danh mục kiểm kê/quyết định xếp hạng. Câu hỏi/minh chứng: Danh mục kiểm kê/quyết định xếp hạng liên quan (nếu có).</i>	☐ Toàn bộ cơ sở đã xếp hạng (6đ) ☐ Có công trình trong khuôn viên đã xếp hạng (một phần) (2đ) ☐ Không có công trình xếp hạng (0đ) (Chọn mức cao nhất — không cộng dồn) Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): _____	
2.2b	Một số công trình có tính thẩm mỹ, giá trị kiến trúc, yếu tố truyền thống lịch sử (chỉ áp dụng khi CHƯA xếp hạng toàn bộ)	<i>Nếu 2.2a = toàn bộ xếp hạng thì ghi 0 điểm ở đây. Câu hỏi/minh chứng: Liệt kê công trình có giá trị thẩm mỹ; ý kiến chuyên gia kiến trúc, di sản.</i>	1) Tính thẩm mỹ ☐ Có ☐ Không Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): _____ 2) Giá trị kiến trúc ☐ Có ☐ Không Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): _____ 3) Yếu tố truyền thống lịch sử ☐ Có ☐ Không Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): _____ → Kết luận 2.2b (Có khi ít nhất 1 trong 3 mục trên là “Có”; Không nếu cả 3 mục đều “Không”): ☐ Có (4đ) ☐ Không (0đ) ☐ Không áp dụng — đã xếp hạng toàn bộ tại 2.2a (0đ)	

Mã	Nội dung đánh giá / Yêu cầu cụ thể	Hướng dẫn đánh giá / Minh chứng cần thu thập	Kết quả tự đánh giá (đơn vị tự ghi)	Điểm tự chấm (tối đa)
			(Chỉ áp dụng khi CHƯA xếp hạng toàn bộ tại 2.2a; nếu 2.2a = “Toàn bộ cơ sở đã xếp hạng” thì bỏ qua, chọn thẳng “Không áp dụng”)	
2.2c.1	Bản sắc — giá trị cơ sở với khu vực xung quanh, gắn lịch sử hình thành, phát triển của chính cơ sở (chỉ tiêu quyết định khi CSVC không đạt)	<i>Yêu cầu minh chứng cụ thể. Câu hỏi/minh chứng: Năm thành lập; tư liệu lịch sử hình thành, phát triển.</i>	☐ Có (3đ) ☐ Không (0đ) Số _____ liệu: Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): _____	
2.2c.2	Thương hiệu — mức độ ghi nhận, uy tín của cơ sở với khu vực đô thị xung quanh	<i>Là 1 trong 3 cấu phần của chỉ tiêu quyết định. Câu hỏi/minh chứng: Tài liệu, giải thưởng, ghi nhận (nếu có).</i>	☐ Có (4đ) ☐ Không (0đ) Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): _____	
2.2c.3	Vai trò — vai trò của cơ sở đối với khu vực xung quanh gắn lịch sử hình thành, phát triển	<i>Là 1 trong 3 cấu phần của chỉ tiêu quyết định. Câu hỏi/minh chứng: Mô tả vai trò cụ thể (nếu có).</i>	☐ Có (3đ) ☐ Không (0đ) Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): _____	
2.3a	Các tuyến đường xung quanh không có tình trạng ùn tắc trong các khung giờ cao điểm	<i>Rà soát, yêu cầu minh chứng cụ thể. Câu hỏi/minh chứng: Hồ sơ hiện trạng</i>	☐ Có (2đ) ☐ Không (0đ) Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): _____	

Mã	Nội dung đánh giá / Yêu cầu cụ thể	Hướng dẫn đánh giá / Minh chứng cần thu thập	Kết quả tự đánh giá (đơn vị tự ghi)	Điểm tự chấm (tối đa)
		<i>giao thông khu vực.</i>		
2.3b	Đáp ứng yêu cầu đầu tư hạ tầng giao thông tại khu vực (lộ giới hiện trạng/lộ giới quy hoạch)	<i>Xác định lộ giới hiện trạng và quy hoạch. Câu hỏi/minh chứng: Hồ sơ quy hoạch, hiện trạng giao thông.</i>	☐ Có (5đ) ☐ Không (0đ) Số _____ liệu: Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): _____	
2.3c.1	Khả năng tiếp cận GTCC — ≥ 2 loại hình (metro, xe bus, bus thủy...) trong bán kính 400-800m	<i>Xác định các tuyến trong phạm vi bán kính. Câu hỏi/minh chứng: Danh mục tuyến GTCC trong bán kính 400-800m.</i>	☐ Có (5đ) ☐ Không (0đ) Số _____ liệu: Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): _____	
2.3c.2	Khả năng tiếp cận GTCC — ≥ 2 tuyến cho một loại hình trong bán kính 400-800m	<i>Đánh giá số lượng tuyến cùng loại hình. Câu hỏi/minh chứng: Số lượng tuyến cùng loại hình trong bán kính.</i>	☐ Có (5đ) ☐ Không (0đ) Số _____ liệu: Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): _____	
2.4a	Đảm bảo yêu cầu về cấp nước, thoát nước, chống ngập	<i>Theo QCVN 01:2021/BXD, QCVN 07:2023/BXD. Câu hỏi/minh chứng: Hồ sơ hạ tầng kỹ thuật.</i>	1) Cấp nước ☐ Đạt ☐ Không đạt Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): _____ 2) Thoát nước ☐ Đạt ☐ Không đạt	

Mã	Nội dung đánh giá / Yêu cầu cụ thể	Hướng dẫn đánh giá / Minh chứng cần thu thập	Kết quả tự đánh giá (đơn vị tự ghi)	Điểm tự chấm (tối đa)
			Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): 3) Chống ngập ☐ Đạt ☐ Không đạt Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): → Kết luận 2.4a (Đạt khi TẤT CẢ 3 mục trên đều “Đạt”; Không đạt nếu có ≥ 1 mục “Không đạt”): ☐ Đạt (3đ) ☐ Không đạt (0đ)	
2.4b	Đảm bảo yêu cầu về cấp điện	Theo QCVN 01:2021/BXD, QCVN 07:2023/BXD. Câu hỏi/minh chứng: Hồ sơ hạ tầng kỹ thuật.	☐ Đạt (3đ) ☐ Không đạt (0đ) Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có):	
2.4c	Đảm bảo yêu cầu về rác thải, chất thải	Theo QCVN 01:2021/BXD, QCVN 07:2023/BXD. Câu hỏi/minh chứng: Hồ sơ quản lý chất thải.	1) Rác thải sinh hoạt ☐ Đạt ☐ Không đạt Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): 2) Chất thải khác (nếu có, ví dụ chất thải xây dựng, hoá chất phòng thí nghiệm) ☐ Đạt ☐ Không đạt Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): → Kết luận 2.4c (Đạt khi TẤT CẢ 2 mục trên	

Mã	Nội dung đánh giá / Yêu cầu cụ thể	Hướng dẫn đánh giá / Minh chứng cần thu thập	Kết quả tự đánh giá (đơn vị tự ghi)	Điểm tự chấm (tối đa)
			đều “Đạt”; Không đạt nếu có ≥ 1 mục “Không đạt”): ☐ Đạt (3đ) ☐ Không đạt (0đ)	
2.4d	Đảm bảo yêu cầu về PCCC	Theo QCVN 01:2021/BXD, QCVN 07:2023/BXD. Câu hỏi/minh chứng: Hồ sơ PCCC.	☐ Đạt (3đ) ☐ Không đạt (0đ) Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): _____	
2.4e	Đảm bảo yêu cầu về môi trường (không khí, tiếng ồn, ngập) và khả năng chịu tải hạ tầng	Theo QCVN 01:2021/BXD, QCVN 07:2023/BXD. Câu hỏi/minh chứng: Dữ liệu vận hành, ý kiến cơ quan chuyên môn.	1) Không khí ☐ Đạt ☐ Không đạt Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): _____ 2) Tiếng ồn ☐ Đạt ☐ Không đạt Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): _____ 3) Ngập ☐ Đạt ☐ Không đạt Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): _____ 4) Khả năng chịu tải hạ tầng ☐ Đạt ☐ Không đạt Tài liệu/cơ sở chứng minh (nếu có): _____ → Kết luận 2.4e (Đạt khi TẤT CẢ 4 mục trên đều “Đạt”; Không đạt nếu có ≥ 1 mục “Không đạt”): ☐ Đạt (3đ) ☐ Không đạt (0đ)	

Mã	Nội dung đánh giá / Yêu cầu cụ thể	Hướng dẫn đánh giá / Minh chứng cần thu thập	Kết quả tự đánh giá (đơn vị tự ghi)	Điểm tự chấm (tối đa)
TỔNG ĐIỂM NHÓM II (tối đa 60 — xem lưu ý cộng dồn)				

Lưu ý cộng dồn: (1) Cột "Điểm tự chấm" do đơn vị tự ghi theo đúng điểm tối đa của kết quả đã chọn — không tự tính. (2) Nếu 2.2a = "Toàn bộ cơ sở đã xếp hạng" thì 2.2b ghi 0 điểm, không cộng thêm. (3) Với chỉ tiêu "chọn 1/chọn cao nhất — không cộng dồn" (1.4a, 2.2a), chỉ ghi điểm cho đúng 1 dòng trong nhóm đó.

IV. Tổng hợp điểm

Tổng điểm Nhóm I	____ / 40
Tổng điểm Nhóm II	____ / 60
TỔNG CỘNG	____ / 100

V. Ghi chú đối chiếu ma trận

Đối chiếu ngưỡng tại Mục V.2 Bộ tiêu chí, rồi tra Ma trận quyết định tại Mục VI dưới đây để xác định Loại A/B/C/D/E.

Điểm mục 1.2 (CSVC) đã ghi	____ / 15 — Ngưỡng Đạt: $\geq 12/15$ điểm (80%)
Kết luận 1.2	☐ Đạt ☐ Không đạt
Điểm mục 2.2 (Bản sắc-Thương hiệu-Vai trò) đã ghi	____ / 10 — Ngưỡng Có: $\geq 5/10$ điểm (50%)
Kết luận 2.2	☐ Có ☐ Không (nếu minh chứng chưa đầy đủ: tạm xếp "Có", ưu tiên Loại B, không vội kết luận Loại E)
1.4a — Mức độ cần thiết đã chọn	☐ Cần thiết phục vụ khu vực dân cư tại chỗ ☐ Không cần thiết phục vụ tại chỗ
1.4b — Mức sẵn sàng quỹ đất đã chọn	____ điểm (0/1/2)
2.1 — Phù hợp quy hoạch đô thị đã chọn	☐ Phù hợp ☐ Chưa phù hợp ("Chưa phù hợp" → áp dụng ngay Loại E)

VI. Ma trận quyết định (tham chiếu)

Loại	Điều kiện	Kết luận xử lý
A	Tiêu chuẩn cơ sở vật chất (1.2) đạt	Giữ nguyên hoàn toàn tại vị trí hiện hữu, ổn định lâu dài
B	CSVC (1.2) không đạt; bản sắc — thương hiệu — vai trò (2.2) = Có; chưa có cơ sở/chi nhánh thay thế đạt chuẩn (1.4, dòng cuối = 0 điểm)	Giữ lại, cải tạo/mở rộng tại chỗ để đạt chuẩn (ưu tiên phương án hợp khối/nâng tầng theo 1.3)
C	CSVC (1.2) không đạt; bản sắc — thương hiệu — vai trò (2.2) = Có; đã có cơ sở/chi nhánh thay thế đạt chuẩn (1.4, dòng cuối ≥ 1 điểm)	Giữ lại một phần, giảm quy mô hoặc chuyển dịch chức năng (chuyển chức năng đào tạo chính sang cơ sở mới, giữ hiện diện biểu tượng/thương hiệu tại chỗ với quy mô phù hợp)

Loại	Điều kiện	Kết luận xử lý
D	CSVC (1.2) không đạt; bản sắc — thương hiệu — vai trò (2.2) = Không; mức độ cần thiết (1.4) = Cần thiết phục vụ khu vực dân cư tại chỗ	Di dời trong phạm vi khu vực đến vị trí đạt chuẩn hơn (không nhất thiết di dời ra quỹ đất tập trung ở xa)
E	CSVC (1.2) không đạt; bản sắc — thương hiệu — vai trò (2.2) = Không; mức độ cần thiết (1.4) = Không cần thiết phục vụ tại chỗ	Di dời hoàn toàn ra quỹ đất quy hoạch tập trung ngoài khu vực lõi trung tâm

Ghi chú: điều kiện được xét theo thứ tự từ trên xuống; dừng lại ở điều kiện đầu tiên thoả mãn. Trường hợp 2.1 (phù hợp quy hoạch đô thị) = Chưa phù hợp (hiếm gặp): áp dụng ngay Loại E, không xét các điều kiện khác.

Mức ưu tiên lộ trình di dời (áp dụng cho cơ sở thuộc Loại C, D, E), căn cứ mức độ sẵn sàng quỹ đất/cơ sở thay thế (chỉ tiêu 1.4, dòng cuối):

- Ưu tiên cao: đã có cơ sở, chi nhánh mới hoạt động ngoài khu vực lõi — đưa vào lộ trình thực hiện sớm.
- Ưu tiên trung bình: đã được bố trí quỹ đất, đang triển khai đầu tư — đưa vào lộ trình trung hạn, song song hoàn thiện đầu tư cơ sở mới.
- Ưu tiên thấp: chưa có quỹ đất/cơ sở thay thế — cần xác định, bố trí quỹ đất tiếp nhận trước khi đưa vào lộ trình cụ thể.

Ghi chú riêng: đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp có ngành đào tạo đặc thù (ví dụ cơ khí, xây dựng gần khu công nghiệp), tổ công tác đối chiếu danh mục ngành/ngành đào tạo với định hướng phân bố ngành nghề theo vùng khi xác định chỉ tiêu 1.4.

VII. Căn cứ pháp lý, kỹ thuật tham chiếu

- Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/02/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường đại học).
- Nghị định số 143/2016/NĐ-CP và Nghị định số 24/2022/NĐ-CP (sửa đổi) quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.
- QCVN 01:2021/BXD và QCVN 07:2023/BXD — Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 30/8/2025 của UBND TP.HCM — Danh mục kiểm kê di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh.
- Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung TP.HCM đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060.
- Kế hoạch, đề án sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM.

VIII. Kết luận xếp loại chính thức (Tổ công tác liên ngành điền sau thẩm định)

Kết luận xếp loại	☐ A ☐ B ☐ C ☐ D ☐ E ☐ Chưa kết luận — cần bổ sung dữ liệu
Mức ưu tiên lộ trình (nếu Loại C/D/E)	☐ Cao ☐ Trung bình ☐ Thấp ☐ —
Căn cứ xếp loại / ý kiến thẩm định	

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ TỰ ĐÁNH GIÁ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TỔ CÔNG TÁC LIÊN NGÀNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

.....